BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 23/12	Sáng	1																				
		2					Ktra: Vi mạch số lập trình-1-1-2024(N01) Hoàng Quyết Tiến (X22.103)															
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 24/12	Sáng	1																				
		2					Ktra: Mạng truyền thông công nghiệp-1-1-2024(N01) Trần Quốc Phương (X22.204)															
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7								Ktra: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1-2024(N01) Hoàng Tùng (H3.201_THKTXS)												
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 4 25/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 26/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 27/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 28/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Giảng đường																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1A	63TĐL1A	63TGK1A	63TGK2A	63TMT1A	63TQM1A	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 23/12	Sáng	1	Ktra: Kỹ thuật lạnh cơ bản-1-1-2024(N01) Nguyễn Trí Đức (X22.304)																			
		2																				Ktra: Đo lường-1-1-24(N01) Lê Trung Thịnh (X22.104)
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)																		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 24/12	Sáng	1	Ktra: PLC cơ bản-1-1-2024(N01) Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)																		
		2																				Ktra: Kỹ thuật hàn-1-1-24(N01) Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)																		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 4 25/12	Sáng	1		Ktra: Điện tử cơ bản-1-1-2024(N01) Phạm Đức Tùng (X22.103)																		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																	Ktra: Lắp ráp mạch điện tử-1-1-24(N01) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1A	63TĐL1A	63TGK1A	63TGK2A	63TMT1A	63TQM1A	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 26/12	Sáng	1		Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N01) Nguyễn Minh Khang (X22.109)																		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																	Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N11) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N11) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 27/12	Sáng	1		Ktra: Điện tử tương tự-1-1-2024(N01) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)																		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 28/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Giảng đường																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCT1A	64TĐL1A	64TGK1A	64TLĐ1A	64TLG1A	64TQM1A	62TVCT1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 23/12	Sáng	1					Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N03) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N04) (...)						An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)						CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2																				
		3																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		4																				
		5																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
	Chiều	6						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)					An toàn lao động Nguyễn Việt Cường (X22.202)	An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X22.303)	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)			An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H2.302_TH QTM)				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 24/12	Sáng	1					Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-24(N01) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-24(N02) (...)						An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)							
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)					An toàn lao động Nguyễn Việt Cường (X22.202)	An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X22.303)	An toàn lao động Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)			An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H2.302_TH QTM)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		7																				
		8																			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		9																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()
		10																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)
Thứ 4 25/12	Sáng	1						Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-24(N03) (...)														
		2																			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4																				
		5																			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)
	Chiều	6	Ktra: Lắp ráp mạch điện tử-1-1-24(N01) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)										An toàn lao động Nguyễn Việt Cường (X22.202)	An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X22.303)				An toàn và môi trường Nguyễn Văn Lực (H2.302_TH QTM)				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCT1A	64TĐL1A	64TGK1A	64TLĐ1A	64TLG1A	64TQM1A	62TVCT1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 26/12	Sáng	1					Tiếng Nhật (H3.103)														Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3																				
		4																			Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		5																				
	Chiều	6	Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N11) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)							Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N11) Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			An toàn lao động Nguyễn Việt Cường (X22.202)	An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X22.303)							
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 27/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6											Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N07) Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N08) Lưu Quang Hưng (X22.303)				Ktra: An toàn và môi trường-1-1-24(N11) Nguyễn Văn Lực (H2.302_TH QTM)				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 28/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Giảng đường																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 23/12	Sáng	1											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		2											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)					
		3											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		4											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
	Chiều	6	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		7										CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Địa lí 12_1 Không Thị An Giang (H5.402)
		8	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						
		9	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)				Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10										Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
Thứ 3 24/12	Sáng	1											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		2											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					
		3											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		4											Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						
		7																				Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9										Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		10	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)																		
Thứ 4 25/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)		Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				
		2	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)									Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)					Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)
		3	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.201)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.201)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		4	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)						
		5											Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 26/12	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402) Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402) Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402) CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		2	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)																		
		3										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)		Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 27/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 28/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
	Chiều	5																				
		6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Giảng đường																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 23/12	Sáng	1													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)
		2																				
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)			Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		4													Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
	Chiều	6			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)				
		7															Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)					
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		9			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)										
		10					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
Thứ 3 24/12	Sáng	1					Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	
		2					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)							Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		3					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	
		4								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)		
		5					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)						Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)					Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)
		7														Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)							Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					
		9			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)					Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)
		10														CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)							CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
Thứ 4 25/12	Sáng	1			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)
		2			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		
		3			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		4													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		5			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 26/12	Sáng	1			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.103)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)
		2			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)
		3			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	
		4			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.103)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 27/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 28/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Giảng đường																						

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63TĐC1	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 23/12	Sáng	1			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)																
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)																
		7	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)														
		8	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)														
		9			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)																
		10	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)														
Thứ 3 24/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)																
		2																			
		3	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)																		
		4	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)																		
		5																			
	Chiều	6			Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)														
		7																			
		8			Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)														
		9				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)														
		10			CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)																
Thứ 4 25/12	Sáng	1	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)																
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)																		
		3																			
		4	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)																		
		5																			
	Chiều	6			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)														
		7																			
		8			Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)														
		9			Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)														
		10				CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)														

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63TĐC1	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																		
		2	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																		
		3																			
		4	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																		
		5																			
	Chiều	6			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)														
		7				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)														
		8			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.304)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)														
		9			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiền (H5.304)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)														
		10																			
Thứ 6 27/12	Sáng	1											Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()								
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Giảng đường																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			63TGK1	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 23/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)
		7												Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)			Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			
		9	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)									Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)
		10									CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)									
Thứ 3 24/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)								Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)
		7			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)									
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.304)		CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)						Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		9			Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)							Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)			
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)											Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					
Thứ 4 25/12	Sáng	1									Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-1-2024(N02) Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)									
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)
		7				Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)					Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)						Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)			Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)
		10			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)							CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)			

LỚP			63TGK1	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 26/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)
		7			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)							Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)									Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		9	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)
		10																		
Thứ 6 27/12	Sáng	1																Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 28/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Giảng đường																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 23/12	Sáng	1								Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)					Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)
		2									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)			
		3								Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)
		4								Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	
		5											Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)							
	Chiều	6	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	An toàn điện Trần Thị Thơm ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()	Vật liệu điện Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.108_CNTT)
		7	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)												
		8		Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)											
		9	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)											
		10				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)												
Thứ 3 24/12	Sáng	1				Ktra: Photoshop-1-1-2024(N01) Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Soạn thảo văn bản điện tử-1-1-2024(N03) Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-2024(N10) Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)					Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		2										CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)			
		3								Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)
		4								CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)
		5								Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)							Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	An toàn điện Trần Thị Thơm ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()	Vật liệu điện Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.108_CNTT)
		7		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)											
		8	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)											
		9		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)											
		10		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)															
Thứ 4 25/12	Sáng	1							Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N15) Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)										
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Vật liệu điện Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.108_CNTT)
		7	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)														
		8	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)											
		9	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)											
		10		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)											

LỚP			63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 26/12	Sáng	1								Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Vật liệu điện Đặng Việt Hùng ()			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Ktra: Tin học-1-1-24(N01) Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N04) (TV_THI TN01)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Vật liệu điện Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vật liệu điện Nguyễn Văn Tình ()		
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)											
		8	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)				Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N04) (TV_THI TN01)							
		9	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)											
		10																		
Thứ 6 27/12	Sáng	1								Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)
		2																		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)
		3								Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)
		4									Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	
		5								Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)
	Chiều	6																		
		7								Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N02) (TV_THI TN01)	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N03) (TV_THI TN03)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Vật liệu điện Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vật liệu điện Nguyễn Văn Tình ()		Ktra: An toàn và môi trường-1-1-24(N01) Trịnh Khắc Khoa (H3.108_CNTT)
		8																		
		9												Ktra: Pháp luật-1-1-24(N05) (TV_THI TN01)						
		10																		
Thứ 7 28/12	Sáng	1								CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)
		2								Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	
		3								CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)								Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)
		4								Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Giảng đường																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 22: Từ 23/12 Đến 29/12/2024

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLG1	64TMT1	64TQM1	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 23/12	Sáng	1		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)								CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)					Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5								Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)							
	Chiều	6		An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106_Khoa SP- KT)	An toàn và môi trường Nguyễn Thị Thùy Linh (H3.107_CNTT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()				Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 24/12	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)
		2			CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)							
		3	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)
		4	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)								Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106_Khoa SP- KT)	An toàn và môi trường Nguyễn Thị Thùy Linh (H3.107_CNTT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)		Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.207)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 25/12	Sáng	1													Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N20) (TV_THI TN01)					
		2																		
		3																	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ktra: Tin học-1-1-24(N09) Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106_Khoa SP- KT)	An toàn và môi trường Nguyễn Thị Thùy Linh (H3.107_CNTT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()					Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.207)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLG1	64TMT1	64TQM1	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 26/12	Sáng	1								Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)									
		2																		
		3																		
		4															Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N21) (TV_THI TN01)		Ktra: Pháp luật-1-1-24(N23) (TV_THI TN05)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N23) (TV_THI TN05)
		5																		
	Chiều	6		An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106_Khoa SP- KT)		Ktra: Pháp luật-1-1-24(N04) (TV_THI TN01)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8								Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N04) (TV_THI TN01)										
		9																		
		10																		
Thứ 6 27/12	Sáng	1	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)								Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)					
		3	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		4	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		5	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)
	Chiều	6		Ktra: An toàn lao động-1-1-24(N06) Bùi Công Kết (X22.301)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Ktra: An toàn và môi trường-1-1-24(N02) Nguyễn Thị Thùy Linh (H3.107_CNTT)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N17) (TV_THI TN05)	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N17) (TV_THI TN05)					Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N22) (TV_THI TN02)		
		7																		
		8										Ktra: Pháp luật-1-1-24(N17) (TV_THI TN05)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N17) (TV_THI TN05)							
		9																		
		10									Ktra: Pháp luật-1-1-24(N05) (TV_THI TN01)									
Thứ 7 28/12	Sáng	1	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)						Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		3	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)		
		4			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)				Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 29/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Giảng đường																				